

NHÀ NƯỚC THỜI LÊ - TRỊNH (1593 - 1789) VỚI VIỆC THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU KIỆN

*Bùi Xuân Đính**

Thời Lê - Trịnh được chính thức bắt đầu vào năm Kỷ Hợi, niên hiệu Quang Hưng (1599), khi Trịnh Tùng chính thức hóa quyền lực của mình bằng việc xưng là Đô Nguyên soái, Tổng Quốc chính, ép vua Lê Thế Tông phong cho mình là Bình An vương cùng các đồ vật tượng trưng cho uy quyền tối cao¹; đồng thời, lập phủ chúa, nắm cả quyền tuyển bổ quan lại, tước vương được cha truyền con nối. Từ đây, vua Lê chỉ tồn tại trên danh nghĩa (chỉ được cấp 5000 quân túc vệ, 7 thớt voi, 20 chiếc thuyền, thu thuế ở 1000 xã).

Trong thời kỳ Lê - Trịnh, giai đoạn 1663 - 1729 được coi là phát triển ổn định, trong đó thời gian từ 1680 - 1729 với hai triều vua Lê Hy Tông (1680 - 1704) và Dụ Tông (1705 - 1729) được coi là phát triển rực rỡ nhất, triều đình làm được nhiều việc, trong đó, công tác thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu tố rất được coi trọng.

1. Các quy định về các cơ quan thanh tra

Các cơ quan pháp luật liên quan đến việc thanh tra và giải quyết khiếu kiện của thời kỳ Lê - Trịnh vẫn giống như thời Lê Sơ (1428 - 1527):

- Ở Trung ương gồm bộ Hình, Ngự sử đài và lục khoa².

*TS Sử học, Viện Dân tộc học

¹ *Ngọc toán* (chén ngọc dùng để rót rượu khi tế lễ), *Tiết mao* (cờ có thứ lông kết thành từng đốt như đốt tre, buộc vào đầu cán, khi vua ra đi thì một viên quan cầm cờ đó dẫn đường) và *Hoàng việt* (búa sắc vàng, vua chỉ dùng khi đi đánh dẹp).

² *Bộ Hình*: cơ quan trông coi pháp luật ở trung ương, là một trong sáu bộ của triều đình phong kiến.

Ngự sử đài: cơ quan thanh tra, giám sát quan lại ở Trung ương, ngang một bộ.

Lục khoa: sáu cơ quan thanh tra của sáu bộ (bộ Lại, bộ Hộ, bộ Lễ; bộ Binh, bộ Hình và bộ Công), là: *Lại*

- Ở địa phương vẫn gồm Hiến ty và các Giám sát Ngự sử³.

Tuy nhiên, việc củng cố bộ máy, ban hành các quy định làm việc được chặt chẽ hơn thời kỳ trước. Nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra được chúa Trịnh quy định qua lệnh dụ vào tháng Hai, năm Dương Đức thứ hai (1674):

- *Ngự sử đài* “có nhiệm vụ tai mắt cho Nhà nước, cốt để dấy nhức kỷ cương và làm gương về việc can gián. Phàm các hàng tể tướng và võ tướng có điều lầm lỗi, bách quan có điều trái phép và chính sự có điều thiếu sót thì cho phép trình bày, tâu hặc”.

- *Để hình Giám sát Ngự sử và Ngự sử*: chuyên giữ việc luận tội, thẩm tra, đàn hặc, xét hỏi và soát kiện lại, được phép điều trần mọi việc chính sự, để việc chính sự được tuân hành đúng phép.

- *Lại khoa*: đưa ra bàn luận, bác bỏ việc tuyển dùng người nào không có thực tài rồi gửi công văn kín lên bộ Lại xem xét (tương tự, các khoa khác có nhiệm vụ bác bỏ việc làm không đúng của từng bộ tương ứng).

- *Hiến ty các xứ* có các nhiệm vụ:

+ Tham hặc nha môn ở các thừa tuyên, phủ huyện rộng rãi, tham ô; các quan trấn thủ, lưu thủ không ngăn được gian phi, trộm cướp; các quan viên và trăm dân không tuân giữ lễ phép, để thân thuộc du dương, phóng túng, dâm dật, có hại đến phong hóa;

+ Hàng năm, đi tuần trong hạt, thăm dò tình hình đau khổ của dân trong các huyện,

khoa, Hộ khoa, Lễ khoa, Binh khoa, Hình khoa, Công khoa.

³ *Hiến ty*: cơ quan thanh tra, giám sát quan lại ở các Thừa tuyên (hay Xứ, Trấn, tương đương cấp Tỉnh thời Nguyễn), là một trong ba ty ở địa phương (*Thừa ty* lo việc hành chính, *Đô ty* lo việc quân sự). *Giám sát Ngự sử*: quan thanh tra, giám sát quan lại ở Thừa tuyên.

xét hỏi các án trộm cướp, do các quan huyện đã trình lên, cuối năm tâu lên trên để xét lại;

+ Nhận tra xét lại các vụ trộm cướp và kiện tụng đã được các quan trấn thủ, lưu thủ khám xét;

+ Đòi hỏi và xét lại những vụ kiện tụng, hiệp tước, hà khắc do các quan trấn thủ, lưu thủ và các nhà quyền quý gây nên.

- *Thừa ty, Thừa chính và Tham chính các xứ*: đàn hạch các quan làm việc trái phép.

+ *Quận thứ* (tri phủ) là thầy, là tướng của dân, đàn hạch các quan huyện không xứng đáng chức vụ;

+ *Các quan nha môn trong kinh ngoài trấn*: được đàn hạch các lại viên rông rờ, tham nhũng, chỉ để tâm vào việc lý tài, khinh nhờn, bỏ bê công việc.

2. Các quy định xét kiện

Năm đầu niên hiệu Cảnh Trị (1663), chúa Trịnh lệnh cho Ngự sử đài và Giám sát Ngự sử 13 đạo xét hỏi đơn từ kiện tụng phải theo luật lệnh, giữ được thanh liêm, cần mẫn, không được để công việc ứ đọng. Cùng năm này, ban bố 47 điều giáo hóa cho cả nước, trong đó có điều răn hương đảng không được bày ra kiện tụng để làm lợi riêng.

Tháng Bảy năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718), Ngự sử đài thông sức cho các nha môn về nguyên nhân của tình trạng tranh giành kiện cáo từ trước đến nay. Đó là, hoặc do kẻ gian giảo lôi kéo, muốn thôi việc chiêu xung (xung ra cho người khác phải liên lụy) mà không thôi được, hoặc do kẻ hào cường lấu lĩnh thù dật, tự mình không giải tỏ được nỗi niềm oan ức. Cũng có khi chỉ vì ngu muội; hề có chút hiềm khích nhỏ nhặt, nhưng bị người ngoài chọc tức và bị tụng công (tức bị hạng thấy cô chuyên xúi bẩy) “nhúng tay xui giục, không tự chủ được mà sinh ra kiện cáo”. Vì thế, “phương pháp làm cho kiện tụng được dứt là phải gỡ cho khỏi nỗi oan uổng, nhưng cũng phải ngăn chặn được kẻ gian giảo và cảnh tỉnh được những kẻ mê man”.

Nhà nước thời Lê - Trịnh cũng quan tâm đến việc hạn chế tình trạng kêu kiện vượt bậc và các cơ quan nhận đơn kiện không đúng thẩm quyền hoặc nhận đơn kiện đúng thẩm

quyền nhưng lại không xử. Năm Chính Hòa thứ tư (1683) có chỉ dụ ba điểm về vấn đề này:

+ Người nào vượt bậc dâng tờ khai kiện cáo thì phạt 20 quan tiền cổ, viên quan nào nhận đơn kiện vượt cấp cũng bị phạt như vậy.

+ Nha môn nào nhận xử kiện mà không xử hoặc không phải chức trách nhận đơn mà lại nhận thì người đi kiện được đi kêu ở nha môn khác, khi xét đúng sự thật thì các nha môn đó bị phạt 20 quan tiền cổ và giao vụ kiện cho nha môn khác xử.

+ Người đi kiện nhiều lần bị tòa án gọi mà trốn tránh thì bị luận vào tội “tại đào” (đi trốn). Biện pháp này nhằm ngăn chặn tình trạng người kiện cáo thù dật hoặc kêu kiện thay.

Vào năm Vĩnh Hựu thứ năm (1739), chúa Trịnh ban bố thêm hai chỉ dụ về vấn đề này. Chỉ dụ thứ nhất, *cấm kêu kiện vượt cấp và cầu cạnh chạy chọt trong việc kiện tụng*. Những vụ kiện nào đã qua quan sáu khoa và Ngự sử đài xét xử mà còn chưa thuận thì cho phép đến ngày chúa ra triều nghe chính sự làm tờ khai dâng lên; có việc khẩn cấp, trọng đại thì mới được gửi đơn vào phủ chúa. Chỉ thị thứ hai nhằm *ngăn chặn việc kêu kiện sai sự thật*: người nào có đơn tố cáo mang đến phủ đường phải trình bày rõ sự thật, có lời cung khai phụ đính vào sau đơn. Quan nhận đơn phải giữ người đó lại để đợi tra xét, không được cho về ngay. Nguyên do của lệnh này là bấy giờ, chính sự chuộng nghiêm khắc, nhiều vị quan bị tố giác về việc lộng hành, dung dưỡng bọn côn đồ, thông mưu với đảng tặc, bắt người một cách bí mật. Căn cứ vào lời tố cáo đó, các quan trên thường cho phá nhà người bị tố cáo; đến khi xét lại thì mới biết là bị vu oan, còn kẻ tố cáo đã trốn mất.

Để ngăn chặn tình trạng án kiện xử kéo dài và bị ứ đọng nhiều, năm Chính Hòa thứ 15 (1694), chúa Trịnh quy định từng cấp, từng hạng quan xét xử các loại án. Theo đó, các án giết người, thù hận, trộm cướp đã xử rồi mà cả nguyên cáo và bị cáo không đồng

tình thì quan phủ, huyện trình lên trấn thủ⁴; các án kiện vặt (đánh nhau, lãng mạ) thì xã trưởng tra xét, làm biên bản trình lên; người có đơn da lên phủ đường xin phúc thẩm thì phải cam đoan, nếu là trọng hình thì giữ lại đợi lệnh chỉ chờ xét.

Tháng Hai năm Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719), quy định kỳ hạn cho Ngũ phủ phủ liêu⁵ xét xử kiện tụng: án mạng hạn trong 8 tháng phải xét xong; thời hạn với các vụ về ruộng đất và trộm cướp là 6 tháng, tạp tụng là 4 tháng. Năm Cảnh Hưng thứ 19 (1758), sức các quan xét kiện không được để chậm chễ.

Năm đầu niên hiệu Vĩnh Trị (1676), quy định sáu điều về quyền hạn và trách nhiệm của các cấp, các cơ quan trong việc xét phúc thẩm từng loại án kiện. Theo đó, các tạp tụng về các việc hộ (tài sản), giá thú, ruộng đất được theo thứ tự đưa lên phúc thẩm, do Hiến ty xét; các vụ kiện về trộm cướp, giết người, hà khắc, ức hiếp thì đưa lên Ngự sử đài phúc thẩm. Năm Chính Hòa thứ 17 (1696), chúa Trịnh sai chia các quan văn võ phúc thẩm kiện tụng. Trước đây, sau khi có bản kháng án lên Ngự sử đài, liền sai các quan đi phúc khám. Đến đây, do đơn kiện nhiều, bèn chia làm ba tích (tức nhóm, tốp), sai quan đi thẩm tra xét xử, đặt chức quan *Thiêm sai*. Phủ liêu trong năm phủ sai quan đi khám xử việc kiện bắt đầu từ đây. Năm Bảo Thái thứ tám (1727), chúa Trịnh chia đặt các quan trong sáu tích (theo sáu bộ: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) đi khám xử các vụ kiện tụng.

Cùng với các quy định về giải quyết khiếu kiện, thời Lê - Trịnh rất quan tâm đến công tác thanh tra quan lại, xem xét nỗi oan ức của dân chúng; cho phép dân được tố cáo

các quan lại thoái hóa, biến chất, hà hiếp dân. Năm Chính Hòa thứ năm (1684), chúa Trịnh lệnh cho quan Hiến ty các xứ phải đi tuần trong bản hạt, điều tra, xét hỏi tình trạng đau khổ của nhân dân, cuối năm viết lại đầy đủ vào tờ khai để trình lên chúa. Từ đây lấy làm lệ thường.

Năm Chính Hòa thứ 14 (1693), chúa Trịnh quy định, các lại viên các nha môn xử kiện đi đòi bắt người mà sách nhiễu tiền tiền thì người bị hại có quyền kêu tại công đường để luận tội.

Tháng 12 năm Bảo Thái thứ sáu (cuối năm 1725, đầu 1726), Tham tụng Nguyễn Công Hãng đề nghị cho phép dân địa phương được yết bảng ở chỗ lý sở, viết thật đầy đủ điều thiện - ác, tốt - xấu, hay - dở của các quan địa phương, để cho "các quan biết kiêng nể, mài giũa cổ lệ tiết tháo thanh liêm". Những lời khen chê ấy phải được đông đảo người trong hạt công tâm nói ra. Ví bằng kẻ nào làm theo ý riêng, yêu ai nên tốt, ghét ai nên xấu, khen chê một cách càn bậy thì khi phát giác sẽ bị tội. Kiến nghị được chúa Trịnh chuẩn y.

Tháng Bảy năm Bảo Thái thứ bảy (1726), chúa Trịnh chuẩn y hai kiến nghị của các quan Phủ liêu. Đó là, dân xã nào bị viên cai thu (quan thu thuế) ngang ngược hà lạm thì theo lệ cũ được phép tố cáo ở nha môn Hiến ty để ty này điều tra, luận tội và Hiến ty xét xử những vụ kiện sách nhiễu, hà lạm thuế hạn một tháng phải xong.

Tháng Hai năm Vĩnh Thịnh (1731), Thái Thường tự Khanh Bùi Sĩ Tiêm dâng tờ sớ gồm 10 điều lên chúa Trịnh Giang, trong đó, điều thứ chín liên quan đến tiêu chuẩn và trách nhiệm của quan thanh tra ở địa phương:

Về tiêu chuẩn của quan thanh tra địa phương: cản trở lại lệ cũ, chọn người có học vị Tiến sĩ giữ chức Hiến phó (cùng chức Tham nghị ở các xứ, chức Thiếu doãn, Phủ doãn ở phủ Phụng Thiên), vì các chức ấy "có liên quan đến bộ mặt và việc điều hành các công việc ở các địa phương"; từ thời trung hưng (năm 1533 trở đi) lạm dùng người ám

⁴ Quan đứng đầu một trấn từ giữa thế kỷ XVII trở đi (trước đó là Thừa tuyên).

⁵ Ngũ phủ: năm cơ quan quân đội là Trung quân, Đông quân, Tây quân, Nam quân và Bắc quân. Mỗi phủ trông coi một số Thừa tuyên gần nhau. Ngũ phủ còn có nghĩa là năm chức quan: Chương phủ sự, Quyền phủ sự, Thự phủ sự, Tham tụng, Bồi tụng. Năm chức quan này hợp thành Phủ liêu, tức Phủ Tể tướng của chúa Trịnh. Đứng đầu là Tham tụng, giúp việc có Bồi tụng.

tử và trúng trường⁶ đã nảy sinh những bất cập.

Về tăng cường trách nhiệm liêm phóng (điều tra, thanh tra) của Hiến ty, Bùi Sĩ Tiêm đề nghị, chọn kẻ sĩ đứng đắn, cất nhắc làm Hiến ty, sai đi tuần hành xem xét dân trong hạt để tâu lên các việc sau:

- Những điểm hay, điểm hao, lúa má được hay mất, vật giá cao hay hạ, chính lệnh lợi hay hại, kẻ gian phi ẩn nấp, bậc hiền sĩ còn ẩn danh, đều xét hỏi cho được sự thực để tâu lên.

- Việc đồng ruộng cày cấy hay bỏ hoang, dân dụng thừa hay thiếu, nhà cửa trù mật hay thưa thớt, hộ khẩu tăng hay giảm, kiện tụng nhiều hay ít, trộm cướp có hay không, đều phải hỏi kỹ và xét nguyên do.

- Việc thu thuế, bắt lính nặng hay nhẹ, ít hay nhiều; quan lại địa phương thanh liêm, giản dị hay phiền hà; hoặc có quan viên bản xã nào đó ngay hay gian; hoặc người cộng sự với xã trưởng tham hay liêm, ruộng đất của làng chia đều hay không đều là vì cố gì; tiền thuế thu nộp đủ hay không đủ là vì đâu; xã này giàu thịnh bởi ai nuôi vỗ, xã kia nghèo khổ hay phiêu bạt là bởi ai quấy nhiễu, đều nên tìm rộng hỏi xa, cho thấu được dân tình.

Sau đó, phân loại kê khai đầy đủ, đúng sự thực từng việc. Những người theo phép công làm tốt với dân, cùng những người loạn phép hại dân, đều lập thành các danh sách riêng, nộp ở chính đường, chuyển đạt lên trên xin chỉ dụ. Chính đường phụ sao một bản, trước sai quan chủ đi xét hỏi lại cho đúng sự thật, tâu lên đầy đủ để giao xuống cho bộ Lại, bộ Hình bàn xét thưởng phạt việc khen thiện, phạt ác. Lại xét viên chức Hiến ty nào hỏi được đúng sự thực thì bàn thăng chức tước nêu thưởng. Nếu có một việc không đúng sự thực mà việc thực có nhiều thì miễn bàn, đình thưởng; hai việc không

thực thì bàn biếm, bãi chức; ba việc trở lên không thực thì bàn khép vào trọng tội. Nếu Hiến ty nào trốn tránh không nói thì khép vào tội dung ẩn. Như thế thì người xét hỏi làm hết chức vụ mà sự nghe thấy của bề trên không bị che lấp; người hiền người xấu đều thấy rõ; thiện ác đều được khuyến khích, trừng phạt; quan lại biết giữ phép, dân không bị nhiễu mà được yên. Đó gọi là được xét hỏi kỹ để phân biệt người hiền, kẻ gian. Việc này, theo Bùi Sĩ Tiêm rất quan trọng, bởi “*triều đình thông đạt được dân tình là bởi đạo ấy*”. Tuy nhiên, đề nghị này không được Trịnh Giang chấp thuận.

Tháng 12 năm đầu niên hiệu Long Đức (đầu năm 1733), trước tình hình dân bị oan, tố cáo kẻ làm càn ngoan cố nhưng các quan phủ huyện lại làm ngơ, chúa Trịnh Giang cho đặt hòm để nhận đơn kêu oan, người nào bị oan ức thì làm đơn bỏ vào hòm.

Năm Cảnh Hưng thứ hai (1741), chúa Trịnh Doanh định cho đặt ống đồng để cho dân ai muốn bí mật tâu bày về việc quan lại tốt - xấu thì được viết thư bỏ vào, cứ năm ngày một lần tâu lên. Song Lê Trọng Thứ can ngăn vì sợ sẽ có quá nhiều đơn thư phải giải quyết. Cũng năm này, chúa Trịnh sai các quan hàng tháng cuối quý đi xét các án bị xử oan ức.

Năm Cảnh Hưng thứ tư (1743), sai các quan trọng thân làm quan củ soát (khám xét) đi kinh lược sứ các đạo, xét hỏi quan lại, người nào tốt, người nào xấu, cùng những việc đau khổ của nhân dân để tâu lên.

Năm Cảnh Hưng thứ bảy (1746), trước tình hình hai ty Đô, Hiến ở nhiều trấn nhận đơn kiện tập trung để đòi xét kiểm tiền, dân gian bị nhiễu phiền nhiễu, khổ sở, chúa Trịnh sai Ngự sử đài nghiêm sức, những việc nhận đơn nhằm mà đương xét, bị kháng cáo, hay đã xử rồi đều phải phạt tiền theo các mức khác nhau và phải giữ lại các án ấy.

Năm Cảnh Hưng thứ tám (1747), chúa Trịnh cho đặt chuông, mõ ở phủ đường, ai muốn trình bày việc cần thiết và ai có tài nghệ muốn tự tiến cử thì đánh chuông; ai bị kẻ quyền quý ức hiếp và bị án xử không thoả đáng tình lý thì cho phép đến đánh mõ và

⁶ *Ấm tử*: con cái các vị quan cao cấp được phong chức tước theo vị thế của cha ông, không phải phong theo bằng cấp.

Trúng trường: người đỗ đạt khoa trường, ở đây chỉ người đỗ trung khoa (học vị Hương cống), không phải người đỗ đại khoa (học vị Tiến sĩ).

phải có đơn từ niêm phong kín kèm theo gửi lên. Lại phiên⁷ sẽ nhận đơn dâng lên chúa.

Năm Cảnh Hưng thứ chín (1748), đặt Tả, Hữu pháp ty để lập lại kỷ cương pháp độ, chọn người thiên tính cứng rắn đặt vào. Pháp ty có nhiều nhiệm vụ, trong đó, “đàn hạch những kẻ quan ty gian tà”.

Năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750), Trịnh Doanh dụ quân dân cả nước 12 điều, trong đó quy định Ngự sử đài có quyền đàn hạch đối diện với hàng nghị trường (Điều 4), các thế gia không được ức hiếp dân thường (Điều 5), quan thiêm sai xét kiện phải công bằng (Điều 6).

Năm Cảnh Hưng thứ 12 (1751), chúa Trịnh ban 11 điều nghiêm sức các quan xét kiện, sai đưa xuống Ngự sử, chuyển sức các ty. Chúa tự ra đề “Cải tệ, hành thiện” (đổi điều tệ, làm điều thiện) hỏi quan lại sĩ phu, yêu cầu các quan cho trình bày kiến nghị của mình, dán thư kín tâu lên.

Năm Cảnh Hưng thứ 20 (1760), cho các quan trong ngoài được dâng thư kín trình bày các việc.

3. Kết quả của việc thanh tra, xét kiện

Sử cũ ghi lại quá ít tư liệu về tính hiệu quả thư khiếu tố. Tuy nhiên, qua các dòng tư liệu ít ỏi đó cũng có thể thấy được rằng, các chỉ dụ trên được thực thi có hiệu quả, thể hiện ở việc nhiều vị quan to bị giáng chức với những mức độ khác nhau. Dưới đây là một số vụ điển hình:

- Năm Cảnh Trị thứ chín (1671), Đồng Tôn Trạch làm Đô Ngự sử (quan đứng đầu Ngự sử đài) khám xét kiện tụng để quá kỳ hạn nên bị bãi chức.

- Năm Dương Đức thứ ba (1675), Thiêm Đô Ngự sử Đỗ Thiện Chính bị giáng chức vì xử kiện không đúng.

- Năm đầu niên hiệu Vĩnh Trị (1676), Đặng Công Chất cai trị ở Cao Bằng, bị dân kiện, phải đưa về kinh đô.

- Năm Chính Hòa thứ ba (1682), giáng Tham tụng, Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Mậu Tài xuống làm Tả Thị lang bộ Hộ; do Tham chính Nguyễn Việt Đương tham hặc về tội cùng Tham tụng, Thượng thư bộ Công Hồ Sĩ Dương, đồng thời là thông gia với mình cấu kết thành bè đảng, thao túng quyền hành trong triều. Mặc dù Nguyễn Mậu Tài là người có tài, nhưng để nghiêm phép nước, chúa Trịnh Tạc vẫn giáng chức vị Tể tướng này.

- Năm Chính Hòa thứ 12 (1691), qua khảo công quan lại, nhiều quan lại cao cấp, trong đó có cả các Giám sát Ngự sử bị giáng chức.

- Năm Chính Hòa thứ 15 (1694), qua thanh tra, Bồi tụng, Đô Ngự sử Nguyễn Quý Đức bị giáng chức vì để người nhà nhận hối lộ; Bồi tụng, Tả Thị lang bộ Lại Nguyễn Danh Nho và Bồi tụng, Hữu Thị lang bộ Lại Ngô Sách Tuân bị giáng chức vì thuyên bổ quan chức không đúng. Ngoài ra, bốn vị quan khác bị giáng phạt khác nhau.

- Năm Chính Hòa thứ 16 (1695), các quan Ngự sử Nguyễn Tiến Tài và Trần Thọ xử kiện nhiều việc không thích đáng nên bị biếm truất.

- Năm Chính Hòa thứ 24 (1703), Nguyễn Đăng Long là Tham chính sứ Sơn Nam hà lạm, sách nhiễu trong xét kiện, bị bãi chức.

- Năm Bảo Thái thứ năm (1724), giáng Hình bộ Thượng thư Trương Công Giai xuống Lại bộ Tả Thị lang và Lại bộ Tả Thị lang Hồ Phi Tích xuống Lễ bộ Tả Thị lang. Bấy giờ, có người ở huyện Đường Hào vì việc kiện tụng bị kết vào tội đồ, xin chống án. Triều đình giao xuống xử lại và người ấy thắng kiện. Trương Công Giai làm Ngự sử không biết xét lại để người đó bị oan nên phải giáng chức. Việc một người dân chống án rồi thắng kiện lại, khiến cho một vị Thượng thư phụ trách ngành luật pháp bị giáng chức là hiện tượng hy hữu trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

Năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756), sai Lê Quý Đôn, Nguyễn Thường đi thăm hỏi tình hình các lộ miền Đông, Tây Nam, 13 quan lại những tệ, đứng đầu là Trịnh Thu bị truất; song Nguyễn Duy Thuần thanh liêm cần mẫn được biểu dương và thăng chức.

⁷ Phiên: cơ quan ngang bộ (của vua Lê) ở phủ chúa Trịnh, lập năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718), thực chất để thu hết quyền hành của vua Lê. Có sáu phiên ứng với sáu bộ là: *Lại phiên, Hộ phiên, Lễ phiên, Binh phiên, Hình phiên và Công phiên.*